

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 15/2021/DS-ST.

Ngày: 20-5-2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tua.

2. Ông Nguyễn Đông Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Thanh Triệu - Kiểm sát viên, vắng mặt.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy xét xử sơ thẩm công KH vụ án thụ lý số: 216/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 43/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Dịch vụ A. Địa chỉ: Khu vực B N, phường L H, quận B T, thành phố C T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tạ V P, sinh năm 1989. Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: 9/27 đường 30/4, phường X K, quận N K, thành phố C T.

Đại diện hợp pháp theo văn bản ủy quyền ngày 20/02/2020: Ông Nguyễn L D, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp Thới Phong A, thị trấn T L, huyện T L, thành

phố C T, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp V P, xã V T, huyện V T, tỉnh HG, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H.

Địa chỉ: ấp V P, xã V T, huyện V T, tỉnh HG, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Thương mại Dịch vụ A trình bày: Ngày 30/8/2016 ông Nguyễn Văn B có ký hợp đồng với Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Thương mại Dịch vụ A mua máy gặt đập liên hợp Yanmar (số khung C78-200020, số máy 04808A) và máy cộ lúa động cơ Kubota với tổng số tiền phải thanh toán là 697.000.000 đồng, ngày 31/8/2016 ông B làm giấy cam kết thanh toán số tiền trên như sau: Khi nhận máy thanh toán 30.000.000 đồng, sau mười ngày thanh toán tiếp 50.000.000 đồng, giải ngân thông qua Ngân hàng HD Bank số tiền 410.000.000 đồng trong vòng 03 ngày, kể từ ngày nhận máy, ngày 30/11/2016 thanh toán 107.000.000 đồng, ngày 31/12/2016 thanh toán 100.000.000 đồng. Nhưng sau đó ông B thanh toán được 647.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Thương mại Dịch vụ A nhắc nhở thường xuyên với ông B, ông B cam kết trả nhưng không thực hiện kéo dài đến nay. Yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H trả tiền tiền mua hàng còn nợ là 50.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/01/2017 đến ngày 20/02/2020 là 14.300.000 đồng. Tổng cộng là 64.300.000 đồng và tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

Tài liệu chứng cứ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Thương mại Dịch vụ A kèm theo đơn khởi kiện: Biên nhận ngày 06/11/2018, bản đối chiếu công nợ ngày 09/4/2018 và hợp đồng mua bán.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H trả cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Thương mại Dịch vụ A số

tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi 0,75%/tháng từ ngày 02/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm; Bị đơn ông Nguyễn Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Thương mại Dịch vụ A khởi kiện ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H yêu cầu trả số tiền 64.300.000 đồng do nợ tiền mua máy gặt đập liên hợp Yanmar và máy cộ lúa động cơ Kubota, nên Tòa xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng mua bán tài sản, đây là vụ án dân sự, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Địa chỉ của bị đơn ông Nguyễn Văn B tại ấp Vĩnh Phú, xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy giải quyết là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật về thẩm quyền.

[1.2]. Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H được triệu tập hợp lệ lần 2, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B, bà H.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Thương mại Dịch vụ A yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H trả tiền mua máy gặt đập liên hợp và máy cộ lúa còn nợ là 50.000.000 đồng, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Thương mại Dịch vụ A kèm theo đơn khởi kiện là biên nhận ngày 06/11/2018, bản đối chiếu công nợ ngày 09/4/2018 và hợp đồng mua bán. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự “đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”. Ở đây Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Thương mại Dịch vụ A chứng minh ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H có nợ tiền bằng biên nhận ngày 06/11/2018, bản đối chiếu công nợ ngày 09/4/2018 và hợp đồng mua bán. Căn cứ theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy

định “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H chưa thể hiện ý kiến, nhưng Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông B, bà H theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các chứng cứ trên xác định ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H còn nợ tiền mua máy gặt đập liên hợp và máy cộ lúa của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Thương mại Dịch vụ A. Áp dụng Điều 430, 440 buộc Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả tiền cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Thương mại Dịch vụ A.

[2.2]. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Thương mại Dịch vụ A yêu cầu tính lãi từ ngày 02/01/2017 đến ngày 20/5/2021 (ngày xét xử sơ thẩm). Áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 440 và Điều 357 Bộ Luật dân sự chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Tại tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi 0,75%/tháng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do vậy, số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là:

$50.000.000 \text{ đ} \times 0,75\% \times 52 \text{ tháng} = 19.500.000 \text{ đồng}$

Từ những nhận định như đã nêu trên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng các Điều 430, 440, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Thương mại Dịch vụ A.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: buộc đương sự nộp theo Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 39, 91, 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Các Điều 430, 440, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Thương mại Dịch vụ A.

1. Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Thương mại Dịch vụ A số tiền 69.500.000 đồng (sáu mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó, tiền mua máy gặt đập liên hợp và máy cộ lúa còn nợ là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); tiền lãi 19.500.000 đồng (mười chín triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H liên đới chịu 3.475.000 (ba triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Thương mại Dịch vụ A được nhận lại 1.867.500 (một triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí nộp ngày 06 tháng 11 năm 2020 theo biên lai số 0003574 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Phạm Thị Tuyết Mai

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tũa – Nguyễn Đông Hà

Phạm Thị Tuyết Mai